SAO Y; HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI; Thời gian ký: 2025-12-12T09:36:42+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25 /2025/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Xét Tờ trình số 359/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 167/BC-BDT ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất;

c) Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Trong quá trình thực hiện chính sách nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách khác hỗ trợ đất đai cho hộ gia đình, cá nhân người đồng bào dân tộc thiểu số thì người sử dụng đất được hưởng một trong các chính sách có mức hỗ trợ cao nhất của nhà nước.

2. Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được hỗ trợ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này trong quá trình sử dụng bị mất đất do thiên tai, bị sạt lở, sụt lún và các hiện tượng thiên tai khác mà thiếu hoặc không còn khả năng sử dụng thì tiếp tục được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

1. Cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số được giao đất để sử dụng vào mục đích làm khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng với diện tích tối thiểu 200,0 m^2 (Hai trăm mét vuông)/thôn, bản, tổ dân phố đảm bảo phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng địa phương.

2. Nhà nước giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất so với hạn mức quy định được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai như sau:

a) Giao đất ở trong hạn mức và được miễn tiền sử dụng đất;

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong hạn mức giao đất và được miễn tiền sử dụng đất;

c) Giao đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất;

d) Cho thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để sản xuất và được miễn tiền thuê đất;

đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thiếu đất ở, đất nông nghiệp sẽ được giao bổ sung đất ở, đất nông nghiệp hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở cho bằng hạn mức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

e) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a và b khoản này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Phương án hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số của Ủy ban nhân dân cấp xã phải ưu tiên hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân không có đất ở, đất sản xuất sau đó mới xem xét cho các hộ gia đình, cá nhân thiếu đất ở, đất sản xuất. Căn cứ tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với người đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ giao đất nông nghiệp để sản xuất, khi thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 5. Về phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị quyết này được miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 6. Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

1. Đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý quy định tại các điểm b, đ, e, g, i và k khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai năm 2024. Riêng đối với điểm đ khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai không sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai.

2. Quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương quy định tại khoản 2 Điều 181 Luật Đất đai năm 2024.

3. Quỹ đất thu hồi thuộc các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

4. Quỹ đất nông nghiệp hiện có của hộ gia đình, cá nhân để chuyển mục đích sang đất ở theo chính sách hỗ trợ đất ở.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng phương án hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

Điều 7. Kinh phí tổ chức thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này đã đề nghị hỗ trợ đất ở theo các chương trình khác trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hỗ trợ đất ở thì được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các địa phương đang tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn xã nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thì tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 75/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Số thứ tự 69 mục II Phụ lục số I danh mục các Nghị quyết tiếp tục áp dụng ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số Nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XVI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng TTĐT, Báo và PTTH tỉnh;
- Các phòng CM thuộc Văn Phòng;
- Lưu: VT, BDT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Việt Hùng